

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- *Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:* Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Lực

- *Thư ký phiên họp:* Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lý Sìn L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản G, xã K, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lý Thị H, sinh ngày 17/4/2001.

Địa chỉ: Bản G, xã K, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Anh Lý A Đ, sinh ngày 02/9/1999;

Địa chỉ: Bản G, xã K, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu; địa chỉ: bản K, xã K, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Q - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông Lý Sìn L trình bày:

Ông có con trai là Lý A Đ, sinh ngày 02/9/1999, đã đăng ký kết hôn với chị

Lý Thị H, sinh ngày 17/4/2001 vào ngày 05/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu (hiện nay là UBND xã K, tỉnh Lai Châu). Khi đăng ký kết hôn, anh Đ mang theo chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, tự khai vào tờ khai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2019 thể hiện anh Đ sinh ngày 29/7/1999 nhưng anh Đ sinh ngày 02/9/1999 mới đúng. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Đ mới được 19 tuổi 11 tháng 03 ngày là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoảng 02 tháng trước cháu T là con chung của anh Đ, chị H bị tai nạn chết. Thời gian đó, do đau buồn nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ. Từ đó đến nay, tình cảm giữa anh Đ và chị H dần xa cách. Gia đình cũng khuyên bảo, hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Đến nay, nhận thấy tình cảm của anh Đ và chị H không còn, việc kết hôn giữa anh, chị là trái pháp luật nên ông đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị H.

Đồng thời ông cung cấp giấy khai sinh và căn cước công dân, giấy xác nhận nơi cư trú cho Tòa án thể hiện anh Đ sinh ngày 02/9/1999.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý A Đ trình bày: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 05/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B trên cơ sở tự nguyện. Khi đăng ký kết hôn cán bộ xã có yêu cầu anh và chị H xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu. Anh Đ, chị H đã cung cấp cho cán bộ xã, cán bộ xã xem và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2019 cho anh chị. Anh Đ khẳng định anh có ngày sinh chính xác là ngày 02/9/1999 nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, anh không nhớ rõ nhưng có thể Chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu của anh thể hiện ngày sinh của anh không đúng với giấy khai sinh và ngày sinh thực tế của anh. Quá trình chung sống với chị H anh không được hạnh phúc, đã sống ly thân được 03 tháng, thời gian ly thân không quan tâm đến nhau. Theo đề nghị của ông Lý Sìn L là bố đẻ của anh đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị H, anh nhất trí. Về con chung, anh và chị H có 02 con chung là cháu Lý Minh T, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Lý Thị Bích D, sinh ngày 11/6/2021. Cháu T đã chết vào tháng 7/2025, cháu D hiện đang sống cùng anh Đ và bố mẹ đẻ của anh Đ tại bản Giao Chăn, xã K, tỉnh Lai Châu. Anh và chị H đã nói chuyện với nhau, tự thỏa thuận anh Đ sẽ nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên, nếu chị H có trách nhiệm với con, muốn chăm lo cho con thì anh không ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị H trình bày: Việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh Đ như trình bày của anh Đ là đúng. Khi đăng ký kết hôn chị đã đủ độ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, còn anh Đ thì chị không biết. Tại thời điểm đó, chị và anh Đ cần đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con nên đi đăng ký kết hôn, cán bộ xã cũng đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị và anh chị cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2019. Chị H và anh Đ về chung sống với nhau từ 2015, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói

chung. Đầu năm 2025, con chung của anh chị là cháu T chết, tình cảm vợ chồng từ đó càng lạnh nhạt. Chị và anh Đ đã ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2025. Theo đề nghị của ông Lý Sìn L là bố đẻ của anh Đ đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Đ, chị nhất trí. Về con chung, chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Lý Minh T, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Lý Thị Bích D, sinh ngày 11/6/2021. Cháu T đã chết vào tháng 7/2025, cháu D hiện đang sống cùng anh Đ và bố mẹ đẻ của anh Đ tại bản Giao Chẩn, xã K, tỉnh Lai Châu. Chị và anh Đ đã nói chuyện với nhau, thỏa thuận anh Đ sẽ nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên chị H vẫn sẽ chăm lo cho cháu trong khả năng của mình. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, ngày 27/10/2025 Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của đại diện cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu xác định:

Việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là UBND xã K) đều được thực hiện theo quy định. Tại sở đăng ký kết hôn quyển số 01/2019 thể hiện việc anh Đ và chị H cung cấp giấy tờ tùy thân khi đăng ký kết hôn nhưng không lưu trữ theo hồ sơ đăng ký kết hôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã K. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Q - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K - vắng mặt tại phiên họp, có đơn xin vắng mặt đề nghị Tòa án căn cứ biên bản xác minh ngày 27/10/2025 và theo các tài liệu giấy tờ tùy thân của anh Đ và chị H hiện nay đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2019 thì tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Đ không đủ tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu giải quyết

việc dân sự của ông Lý Sìn L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2019 ngày 05/8/2019 do UBND xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu (cũ) cấp. Về con chung: Giao con chung cháu Lý Thị Bích D, sinh ngày 11/6/2021 cho anh Lý A Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Anh Lý A Đ không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Đ và chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H theo quy định của pháp luật. Về lệ phí: ông Lý Sìn L không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là xã K, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Tại phiên họp người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lý A Đ và chị Lý Thị H có mặt, Ủy ban nhân dân xã K đại diện theo pháp luật ông Đỗ Văn Q - Chủ tịch UBND xã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Anh Lý A Đ và chị Lý Thị H đăng ký kết hôn ngày 05/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là xã K, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ vào giấy khai sinh cấp năm 2008, căn cước công dân, giấy xác nhận nơi cư trú của anh Đ thể hiện anh Đ sinh ngày 02/9/1999, do vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lý A Đ mới được 19 tuổi 11 tháng 03 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến thời điểm hiện tại, anh Đ đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, đã sống ly thân. Anh Đ, chị H, UBND xã K, tỉnh Lai Châu nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Lý Sìn L. Căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của ông Lý Sìn L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và

chị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2019 ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là UBND xã K, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H vi phạm khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Lý A Đ và chị Lý Thị H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 02 con chung là cháu Lý Minh T, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Lý Thị Bích D, sinh ngày 11/6/2021. Cháu T đã chết vào tháng 7/2025, cháu D hiện đang sống cùng anh Đ và bố mẹ đẻ của anh Đ tại bản Giao Chán, xã K, tỉnh Lai Châu. Anh Đ và chị H nhất trí sau khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, anh Đ sẽ nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Do đó cần giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp nguyện vọng của anh Đ, chị H, với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đ không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Lý Sìn L không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lý Sìn L. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2019 ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là UBND xã K, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Anh Lý A Đ và chị Lý Thị H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung cháu Lý Thị Bích D, sinh ngày 11/6/2021 cho anh Lý A Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý A Đ không yêu cầu chị Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lý A Đ và chị Lý Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý A Đ và chị Lý Thị H theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lý Sìn L không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền

kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền
kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Khổng Lào;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Lực